

Bản án số: 12/2021/HS-ST
Ngày 15 - 03 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Quân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trương Thị Hồng Xuân

2. Ông Trương Văn Khắc

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn H2 - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Ông Hàn Văn Vinh - Kiểm sát viên.

Các ngày 12 đến ngày 15 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 55/2020/TLST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 12 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Bùi Thị H1; sinh ngày 14 tháng 12 năm 1957; tại xã T, huyện T, tỉnh T; nơi cư trú: Khu 2, thị trấn K, huyện T, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/10; dân tộc: Mường; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn P; (đã chết); con bà: Bùi Thị A (đã chết) có chồng là Đinh Mạnh D; sinh năm 1957; có 04 con, lớn nhất 39 tuổi, nhỏ nhất 31 tuổi; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/12/2019 đến ngày 17/01/2020 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, sau đó bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến ngày 09/03/2021 bị bắt theo lệnh của tòa án.

2. Đinh Mạnh H2; sinh ngày 09 tháng 06 năm 1987; tại xã T, huyện T, tỉnh T; nơi cư trú: Khu 2, thị trấn K, huyện T, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đinh Mạnh D; sinh năm 1957; con bà: Bùi Thị H1; sinh năm 1957; tiền sự: Không; tiền án: Không; Bị cáo bị tạm giữ 01 ngày kể từ ngày 26/12/2019 đến ngày 27/12/2019 được trả tự do, sau đó bị khởi tố áp dụng biện pháp; Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

3. Bùi Thị D; sinh ngày 12 tháng 10 năm 1983; tại xã T, huyện T, tỉnh T; nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Hồng D (đã chết); con bà: Bùi Thị K; sinh năm 1954; Có chồng hiện

đã ly hôn; có 01 sinh năm 2010; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không. Bị can bị tạm giữ 09 ngày kể từ ngày 26/12/2019 đến ngày 03/01/2020 được trả tự do, sau đó bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến ngày 09/03/2021 bị bắt theo lệnh của tòa án.

4. Đặng Thị H3; sinh ngày 20 tháng 05 năm 1961; tại huyện Y, tỉnh N; nơi cư trú: Thôn 1 TS, thị trấn K, huyện T, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đặng Văn Đ (đã chết); con bà: Bùi Thị Ph (đã chết) chồng không xác định; có 04 con, lớn nhất 35 tuổi, nhỏ nhất 23 tuổi; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/12/2019 đến ngày 17/01/2020 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, sau đó bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến ngày 09/03/2021 bị bắt theo lệnh của tòa án.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**Người bào chữa:*

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Thị H1, bị cáo Đặng Thị H3 và bị cáo Bùi Thị D là: Ông Bùi Hữu Ng – Luật sư; Công tác tại văn phòng Luật sư Bùi Hữu Ngh – Thuộc đoàn luật sư tỉnh T.(có mặt)

** Người làm chứng:*

1. Anh Bùi Văn X- Sinh năm: 1991(có mặt)

2. Anh Quách Văn H4 – sinh năm 1992(có mặt)

Đều có địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh T.(đều có mặt)

3. Quách Thị Th – Sinh năm 1982(có mặt)

Địa chỉ: Thôn ĐX, xã TN, huyện N, tỉnh T

4. Hà Thị K– Sinh năm 1981(vắng mặt)

Địa chỉ: Bản C, xã M, huyện M, tỉnh T.

**Điều tra viên tham gia phiên tòa:*

5.Ông: Cao Tuấn A – Điều tra viên Công an huyện T.

6.Ông: Nguyễn Hữu L – Cán bộ điều tra công an huyện T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ 00 phút ngày 25/12/2019, do đã thống nhất từ trước với Bùi Văn X, sinh năm 1991, trú tại thôn P, xã T về việc liên hệ, tìm chỗ mua dâm nên Quách Văn H4, sinh năm 1992, trú cùng thôn gọi điện cho Bùi Thị D, sinh năm 1983, trú tại thôn Đ, xã T, huyện T nhờ D tìm cho 02 gái bán dâm. Nhận được yêu cầu của H4, D đồng ý bảo H4, X đến Nhà nghỉ HD đợi, rồi gọi điện thoại cho Bùi Thị H1, sinh năm 1957 – Chủ nhà nghỉ HD thông báo có 02 khách đến mua dâm, nói bà H1 gọi 02 gái bán dâm đến bán dâm cho khách. Được D giới thiệu

khách, H1 gọi điện cho Đặng Thị H3, sinh năm 1961, trú tại thôn 1 TS, thị trấn K đề hỏi tìm gái bán dâm rồi tiếp tục gọi điện cho con trai là Đinh Mạnh H2, sinh năm 1987 thông báo và nhờ H2 sắp xếp, bố trí phòng cho khách mua dâm, do lúc này H1 không có mặt tại Nhà nghỉ. Nghe điện thoại của H1, H3 đồng ý và kêu Quách Thị Th, sinh năm 1982, trú tại thôn DX, xã TN, huyện N và Hà Thị K, sinh năm 1981, trú tại Bản C, xã M, huyện M là 02 gái mại dâm đang ở tại nhà H3 đến Nhà nghỉ HD để bán dâm. Sau đó, khi H4, X, Th và K đến Nhà nghỉ thì được H2 bố trí, sắp xếp cho Th bán dâm cho H4 ở phòng 204 còn K bán dâm cho X ở phòng 205 của Nhà nghỉ. Trong lúc, hai đôi nam nữ nêu trên đang quan hệ tình dục với nhau thì bị lực lượng Công an huyện T đến kiểm tra, phát hiện, lập biên bản vi phạm hành chính, thu giữ 02 ruột bao cao su đã qua sử dụng, 02 vỏ bao cao su nhãn hiệu Ok đã bị xé rách.

Sau khi vụ việc bị phát giác, ngày 26/12/2019, Bùi Thị D và Đinh Mạnh H2 đã đến Công an huyện T đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của bản thân và đồng phạm. Trên cơ sở lời khai của D, H2, lời khai của H4, X, Thanh, K và các tài liệu, chứng cứ khác, Cơ quan điều tra đã ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Bùi Thị H1, Đặng Thị H3 để tiến hành điều tra, làm rõ. Tại cơ quan điều tra, H1 và H3 cũng đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân và các bị can khác.

Mở rộng điều tra vụ án, Cơ quan điều tra còn xác định ngoài lần phạm tội nêu trên, vào khoảng 21 giờ ngày 21/12/2019, H4 và X nhờ D tìm chỗ mua dâm thì được D giới thiệu đến Nhà nghỉ HD để mua dâm với giá từ 400.000 đồng đến 500.000 đồng một người, rồi gọi điện thông báo cho H1 để H1 tìm gái mại dâm, bố trí, sắp xếp phòng nghỉ cho H4 và X. Nhận điện thoại của D, H1 cũng gọi điện cho H3 hỏi tìm gái mại dâm, sau đó, do có việc riêng phải ra ngoài nên H1 nhờ người khách thuê trọ là phụ nữ tên T (hiện không xác định được nhân thân) sắp xếp phòng cho khách. Về phía H3, sau khi nghe điện thoại của H1 đã điều người tên H5 (hiện không xác định được nhân thân) và Hà Thị K đến Nhà nghỉ HD bán dâm. Khi H4, X, H5 và K đến Nhà nghỉ, đã được bà T sắp xếp cho K bán dâm cho H4 ở phòng 201, H5 bán dâm cho X ở phòng 202. Sau khi quan hệ tình dục, mua bán dâm xong, H4 và X đi xuống quây lễ tân thì gặp H1 và D, H4 đưa cho H1 1.000.000 đồng tiền mua dâm của H4 và X, nhận tiền, H1 đưa cho H5 400.000 đồng tiền bán dâm, đưa cho D 400.000 đồng tiền môi giới, còn giữ lại 200.000 đồng.

Ngoài ra, Quách Thị Th và Hà Thị K còn khai đã nhiều lần khác được H3 điều động đi bán dâm tại nhà nghỉ HD và bán dâm tại nhà ở của H3. Tuy nhiên, Th và K không xác định được thời gian cụ thể, cơ quan điều tra cũng không xác định được người mua dâm, số tiền mua bán dâm; bản thân H3 và H1 không thừa nhận những lần này nên không có cơ sở để xử lý.

Đối với người phụ nữ tên T đã giúp H1 sắp xếp, bố trí phòng cho H4, X mua dâm với K và H5, trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch của T nên không có cơ sở để điều tra, xử lý.

Đối với Quách Văn H4, Bùi Văn X là những người mua dâm; Hà Thị K, Quách Thị Th là những người bán dâm, Công an huyện T đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với những người này theo quy định của pháp luật.

Đối với người bán dâm tên H5, quá trình điều tra Cơ quan điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch của H5 nên không xử lý được.

Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ: 02 ruột bao cao su đã qua sử dụng, 02 vỏ bao cao su nhãn hiệu Ok màu đỏ, đã bị xé rách; **06** chiếc điện thoại di động.

Quá trình điều tra xác định, chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Glaxy T6, vỏ màu đồng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme, vỏ màu tím than; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F3 plus là tài sản hợp pháp của Hà Thị K và Quách Thị Th, không liên quan đến vụ án, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu.

Những vật chứng còn lại hiện đang được bảo quản, chờ xử lý theo quy định

Tại bản cáo trạng số 56/Ctr-VKS-TT, ngày 15/10/2020, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh T đã truy tố Bùi Thị H1 về tội “Chứa mại dâm” theo điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ Luật hình sự (Sau đây được viết tắt là BLHS). Truy tố Đinh Mạnh H2 về tội “Chứa mại dâm” theo khoản 1 Điều 327 Bộ Luật hình sự. Truy tố Bùi Thị D và Đặng Thị H3 về tội “Môi giới mại dâm” theo điểm d, đ khoản 2 Điều 328 Bộ Luật hình sự.

***Phản tranh tụng tại phiên tòa:**

-Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 327; điểm u khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS đối với Bùi Thị H1. Đề nghị mức hình phạt từ 06 đến 07 năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt kể từ ngày 09/03/2021. Bị cáo được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/12/2019 đến ngày 17/01/2020.

Đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 327; khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS đối với Đinh Mạnh H2. Đề nghị mức hình phạt từ 15 đến 18 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt kể từ ngày bắt thi hành án. Bị cáo được trừ 01 ngày tạm giữ từ trước, từ ngày 26/12/2019 đến ngày 27/12/2019.

Đề nghị: Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 328; khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS đối với Bùi Thị D và Đặng Thị H3. Đề nghị mức hình phạt.

Xử phạt Bùi Thị D từ 05 đến 06 năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt kể từ ngày 09/03/2021. Bị cáo được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/12/2019 đến ngày 03/01/2020.

Xử phạt Đặng Thị H3 từ 05 đến 06 năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt kể từ ngày 09/03/2021. Bị cáo được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/12/2019 đến ngày 17/01/2020.

Về hình phạt bổ sung: *Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.*

Về vật chứng: Đại diện VKSND đề nghị: Tịch thu tiêu hủy 02 ruột bao cao su đã qua sử dụng, 02 vỏ bao cao su nhãn hiệu Ok màu đỏ, đã bị xé rách.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu PHILIPS, vỏ màu đen loại phím bấm, máy đã qua sử dụng. 01 điện thoại di động nhãn hiệu ViVo 1801 vỏ màu đồng máy đã qua sử dụng. 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105, loại phím bấm, vỏ màu xanh máy đã qua sử dụng là vật dùng vào việc phạm tội.

***Phản tranh tụng tại phiên tòa:**

Các Bị cáo Bùi Thị H1, Đinh Mạnh H2, Bùi Thị D, Đặng Thị H3 đều không thừa nhận hành vi như cáo trạng của viện kiểm sát nhân dân mô tả. Các bị cáo đều thống nhất tại cơ quan điều tra không bị ép cung, mớm cung, dùng nhục hình để ép các bị cáo khai báo. Các lời khai báo tại cơ quan điều tra đều được đọc lại cho các bị cáo nghe và thống nhất ký tên, nhưng tại phiên tòa các bị cáo không thừa nhận lời khai tại cơ quan điều tra nhưng không có tài liệu chứng cứ khác để chứng minh.

-Bị cáo Đinh Mạnh H2 khai nhận do tại cơ quan điều tra bị cáo hoang mang không biết mình đã khai gì. Bị cáo chỉ tiếp nhận ý trí từ mẹ bị cáo là bị cáo H1 thông qua điện thoại để xếp phòng cho khách đến nghỉ, khi có nhân viên nữ đến thì xếp phòng vào nghỉ cùng với hai nam thanh niên. Bị cáo không biết đôi nam nữ trong phòng nghỉ làm gì. Bản thân bị cáo không quen biết hai thanh niên nam và 2 nhân viên nữ vào ngày 25/12/2019.

-Ý kiến của bị cáo Bùi Thị H1: Sau khi nhận được điện thoại của bị cáo D vào tối ngày 21 và 25/12/2019 hỏi có người đến nghỉ và hỏi có nhân viên không bị cáo bảo có để bị cáo điện cho bị cáo H3 hỏi nhân viên. Sau khi điện cho bị cáo H3 thì bị cáo nói để bị cáo hỏi xem có nhân viên không đã và có bảo hai nhân viên xuống nhà nghỉ HD như lời khai của bị cáo vào tối ngày 21 và ngày 25/12/2019 là đúng, tuy nhiên bị cáo không gọi gái bán dâm mà chỉ gọi nhân viên nữ đến phục vụ và có dặn H2 khi nào có khách nam đến thì xếp phòng và nhân viên nữ đến xếp phòng cho hai nữ nhân viên vào phòng hai nam là đúng, các nhân viên làm gì bị cáo không biết và không yêu cầu hai nhân viên nữ đến bán dâm như lời khai tại cơ quan điều tra. Vào tối ngày 21/12/2019 bị cáo có nhận được số tiền 1.000.0000 đ của hai người thanh niên đến thuê phòng và bị cáo đã đưa cho bị cáo D 400.000đ như bản khai trước đây là đúng vì bị cáo D có công giới thiệu người ra nghỉ nhà bị cáo nghỉ, còn 400.000đ bị cáo đưa cho hai nhân viên đến phục vụ. Bị cáo chỉ thừa nhận đó là nhân viên phục vụ không phải gái bán dâm. Bị cáo không đồng ý với cáo trạng mà VKS truy tố bị cáo về việc chứa mại dâm.

-Ý kiến của Bị cáo Bùi Thị D khi có hai nam thanh niên gọi điện cho bị cáo, bị cáo chỉ giới thiệu đến nhà nghỉ HD để nghỉ và bị cáo thống nhất có gọi điện cho bà H1 để dặn bà H1 có hai thanh niên đến chơi vào hai tối ngày 21 và 25/12/2019 là đúng. Không thừa nhận lời khai thống nhất giá với hai thanh niên mua dâm và bị cáo cũng không nhận tiền của bà H1 vào tối ngày 21/12/2019. Khi hai nam thanh niên đưa tiền cho bị cáo thì bị cáo chỉ ra đưa cho bà H1 là chủ nhà nghỉ ngoài ra bị cáo không có nhận tiền từ bà H1.

-Ý kiến của bị cáo Đặng Thị H3: Bị cáo không điều nhân viên đi bán dâm. Bị cáo không quen biết bà H1, chỉ biết có điện thoại giới thiệu là ở nhà nghỉ T-T gọi (nay là HD) gọi nhân viên bị cáo có nói Th ời T-T gọi bay có đi thì đi. Việc Th và K và H5 đi thế nào bị cáo không biết, bị cáo không được ăn chia tiền đối với các nhân viên, bị cáo không điều các nhân viên đi bán dâm. Đối với ngày 21/12/2019 bị cáo cũng được bà H1 gọi như ngày 25/12/2019 bị cáo cũng gọi nhân viên xuống nhà nghỉ T-T (nay là HD) còn các nhân viên đi thế nào, đi lúc nào làm gì bị cáo không biết. Lời khai tại cơ quan điều tra bị cáo hoàn toàn bác bỏ không đồng ý với lời khai tại cơ quan điều tra ghi ý kiến bị cáo điều các nhân viên đi bán dâm 2 lần là không đúng. Lời khai của bị cáo chỉ thừa nhận để các tiếp viên đi làm thêm bán dâm cho khách ngoài giờ còn các tiếp viên đi thế nào bị cáo không được ăn chia số tiền như các tiếp viên khai. Thỉnh thoảng các tiếp viên có đưa tiền ăn tiền ở cho bị cáo vài trăm nghìn là đúng.

-Người mua dâm tại phiên tòa trình bày như bản cáo trạng và lời khai tại cơ quan điều tra là đúng không có ý kiến gì.

-Tại phiên tòa bị cáo D đã nghe rõ lời khai của hai người mua dâm nhưng không có ý kiến gì. Bị cáo chỉ là người giới thiệu ra để hai nam thanh niên nghỉ lại. Lời khai của bị cáo thống nhất là chỉ ra bị cáo H1 đưa tiền cho chủ nhà nghỉ là đúng. Bị cáo không lấy tiền công như bị cáo H1 khai nãi.

-Lời khai của chị Th là gái bán dâm thống nhất như lời khai tại cơ quan điều tra là đúng. Mục đích của bị cáo đi nhà nghỉ HD là để bán dâm cho khách và số tiền thỉnh thoảng đưa cho bà H3 là số tiền ăn, tiền ở của chị không liên quan đến việc bán dâm. Lần đi bán dâm cùng với K là do bị cáo H3 gọi đi là đúng, không được sự đồng ý của bà H3 bị cáo cũng không được đi.

HĐXX công bố các lời khai của người làm chứng là chị Hà Thị K tại giai đoạn điều tra. Sau khi người làm chứng khai và công bố lời khai của chị K tại cơ quan điều tra bị cáo H3 không có ý kiến gì.

HĐXX công bố các lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra nH4 các bị cáo không thừa nhận lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra là đúng. Các bị cáo cho rằng lời khai mua bán dâm là các điều tra viên ghi thêm vào.

-Ý kiến trình bày của người bào chữa bị cáo Bùi Thị H1, bị cáo Bùi Thị D và bị cáo Đặng Thị H3: Đề nghị cán bộ điều tra cung cấp các lời khai của các bị cáo được ghi âm ghi hình trong quá trình điều tra. Lời khai của bị cáo và gái mại dâm có khai ký khống vào các bản giấy trắng chưa có lời khai nhưng chưa được làm rõ. Không có bản tự khai trong hồ sơ vụ án, truy tố chỉ căn cứ vào các lời khai, không có biên bản bắt người phạm tội quả tang; sau ngày 30/12/2019 chị K khai không còn làm việc với cơ quan điều tra nhưng vẫn có bản khai của chị K; Có dấu hiệu ép cung, bắt khai đối với các bị cáo và người làm chứng. Luật sư yêu cầu HĐXX căn cứ Điều 280 BLTTHS trả hồ sơ để điều tra lại vụ án có dấu hiệu oan sai đối với các bị cáo.

-Tại phiên tòa: Điều tra viên và cán bộ điều tra đều khẳng định tại giai đoạn điều tra đã làm đúng theo pháp luật về tố tụng hình sự, không có việc ép cung, mớm cung, dùng nhục hình như lời khai tại phiên tòa các bị cáo đã khẳng định. Lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra là tự nguyện khai báo, cán bộ điều tra chỉ ghi chép những gì mà các bị cáo và người làm chứng khai báo. Trong giai đoạn điều tra đến khi truy tố các bị cáo đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Tại phiên tòa các bị cáo quanh co đổ lỗi cho cơ quan điều tra mà không cung cấp được các

chứng cứ xác thực nên các lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra là khách quan toàn diện. Đối với việc ghi âm ghi hình trong quan trình điều tra do cơ sở vật chất chưa có nên lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra cũng là chứng cứ xác thực, khách quan. Điều tra viên yêu cầu Luật sư cung cấp các bằng chứng mà luật sư nêu ra nhưng tại phiên tòa luật sư không cung cấp được chứng cứ.

-Phần tranh tụng của đại diện VKS: Những chứng cứ luật sư đưa ra không phù hợp cũng thể hiện đúng bản chất vụ án và các chứng cứ thể hiện trong hồ sơ không có tài liệu nào như luật sư trình bày và tại phiên tòa luật sư cũng không có chứng cứ để chứng minh cho điều đó. Tại phiên tòa các bị cáo khai tự mâu thuẫn với lời khai của mình và của người làm chứng nhưng không có tài liệu chứng minh. Tại phiên tòa các bị cáo đều khẳng định tại cơ quan điều tra không bị ép cung dùng nhục hình hay bất cứ hành vi vi phạm pháp luật tố tụng hình sự nên các lời khai của các bị cáo và người làm chứng tại giai đoạn điều tra, truy tố là khách quan hợp pháp. VKS không thống nhất với luật sư trả hồ sơ để điều tra bổ sung mà vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và mức án đề nghị đối với các bị cáo.

Phần tranh luận các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với VKS, lời sau cùng, bị cáo H2 chỉ thừa nhận bị cáo được mẹ yêu cầu sắp phòng cho khách còn khách làm trong phòng bị cáo không biết. Lời nói sau cùng của bị cáo D, bị cáo H1 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Lời nói sau cùng bị cáo H3 đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt không riêng gì cho bị cáo mà cho các bị cáo khác trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS). Quá trình điều tra, các bị cáo, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa các bị cáo không thừa nhận nội dung khai báo tại cơ quan điều tra, tại cơ quan điều tra các bị cáo đều không bị ép cung, mớm cung, buộc phải khai báo. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa Luật sư yêu cầu trả hồ sơ để điều tra bổ sung vì còn nhiều vấn đề chưa được làm sáng tỏ và mâu thuẫn nhưng tại phiên tòa luật sư không đưa ra được chứng cứ thuyết phục nên việc yêu cầu của luật sư là không có cơ sở HĐXX vẫn xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Vào khoảng 21 giờ 45 phút ngày 25/12/2019 tại nhà nghỉ HD ở Thị trấn K, huyện T công an kiểm tra hành chính phát hiện hai đôi nam nữ đang mua bán dâm, quá trình điều tra chứng minh được bị cáo Bùi Thị H1 là chủ nhà nghỉ sau khi nhận được điện thoại của bị cáo Bùi Thị D nhờ tìm gái bán dâm cho hai nam giới mua dâm thì bị cáo H1 đã gọi điện thoại cho Đặng Thị H3 là người có gái bán dâm yêu cầu hai nhân viên đến bán dâm cho khách, bị cáo còn điện cho con trai là Đinh Mạnh H2 xếp phòng cho khách mua

dâm và gái bán dâm đang mua bán thì bị phát hiện; cũng hành vi tương tự vào tối ngày 21/12/2019 bị cáo D cũng gọi điện cho bị cáo H1 nhờ H1 tìm gái bán dâm và bị cáo H1 cũng gọi cho bị cáo H3 để tìm gái bán dâm và được H3 gọi gái bán dâm đến nhà nghỉ HD bán dâm cho khách. Lời khai của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ tại cơ quan điều tra thu thập và phù hợp với lời khai của các bị cáo khác cũng như người mua dâm và gái bán dâm. Tại phiên tòa các bị cáo H2 khai nhận phù hợp với diễn biến tại cơ quan điều tra nhưng bị cáo không thừa nhận hành vi giúp bị cáo H1 chứa mại dâm vào tối ngày 25/12/2019 mà chỉ giúp bị cáo H1 xếp phòng cho các nhân viên. Bị cáo H1 thừa nhận có gọi điện cho bị cáo H2 nhờ H2 xếp phòng cho nhân viên nam nữ như lời khai của H2 là đúng. Bị cáo H1 có thừa nhận hai lần vào tối ngày 21 và ngày 25/12/2019 khi D yêu cầu tìm nhân viên nữ phục vụ thì đều gọi điện cho bị cáo H3, bị cáo H3 gọi hai nhân viên bụng bê đến nhà nghỉ phục vụ khách là đúng còn phục vụ gì bị cáo không biết. Bị cáo H3 tại phiên tòa bị cáo chỉ thừa nhận hành vi gọi nhân viên đi nhà nghỉ T-T (HD) khi có bà H1 gọi cho bị cáo còn các nhân viên đi thế nào, đi lúc nào bị cáo không biết, đối với hành vi gọi gái bán dâm vào tối ngày 21/12/2019 bị cáo không thừa nhận gọi chị H5 và chị K đi bán dâm, bị cáo khẳng định lời khai tại cơ quan điều tra là do các điều tra viên và cán bộ điều tra tự viết vào đó bị cáo không biết. HĐXX sau khi xem xét toàn diện vụ án và diễn biến tại phiên tòa thấy rằng tại cơ quan điều tra các bị cáo, người làm chứng đều khẳng định không bị ép cung, mớm cung, đánh đập, dùng nhục hình đối với các bị cáo và tại phiên tòa các bị cáo và người làm chứng cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào khẳng định cơ quan điều tra vi phạm pháp luật các lời khai của các bị cáo tự mâu thuẫn với nhau. Thấy rằng lời khai của các bị cáo và người làm chứng tại cơ quan điều tra là khách quan phù hợp với các chứng cứ khác và lời khai của nhân chứng. HĐXX có đủ cơ sở kết luận vào hai tối ngày 21 và tối ngày 25/12/2019 bị cáo H1 hai lần chứa mại dâm đối với hai cặp nam nữ mua bán dâm là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với các chứng cứ mà cơ quan điều tra thu thập được và các chứng cứ khác. Bị cáo H2 một lần giúp sức chứa mại dâm với bị cáo H1 nên bị cáo H2 phải chịu trách nhiệm hình sự về một lần chứa mại dâm. Đối với bị cáo H3 và D tại phiên tòa không thừa nhận hành vi môi giới mại dâm như nhưng có trao đổi với bị cáo H1 điều nhân viên nữ đến phục vụ hai nam thanh niên tại phiên tòa các bị cáo quanh co chối tội không thừa nhận môi giới mại dâm chỉ thừa nhận hành vi gọi nhân viên thể hiện các bị cáo không thành khẩn ăn năn về hành vi phạm tội của mình. HĐXX có đủ cơ sở kết luận vào hai tối ngày 21 và tối ngày 25/12/2019 bị cáo D và bị cáo H3 hai lần môi giới mại dâm cho hai cặp nam nữ mua bán dâm là hoàn toàn có cơ sở. VKS truy tố bị cáo Bùi Thị H1 về tội “Chứa mại dâm” theo điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ Luật hình sự. Truy tố Đinh Mạnh H2 về tội “Chứa mại dâm” theo khoản 1 Điều 327 Bộ Luật hình sự. Truy tố Bùi Thị D và Đặng Thị H3 về tội “Môi giới mại dâm” theo điểm d, đ khoản 2 Điều 328 Bộ Luật hình sự là đúng người đúng tội đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, hành vi phạm tội: Đây là vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo phạm tội không có sự bàn bạc và chuẩn bị từ trước. Xuất phát từ động cơ vụ lợi mà Bùi Thị D đã có hành vi hai lần môi giới cho các cặp nam nữ đến nhà nghỉ của Bùi Thị H1 quản lý để thực hiện việc mua bán dâm để được hưởng lợi từ việc môi giới của mình, đối với bị cáo Đặng Thị H3 hai lần gọi ba nữ nhân viên đi bán dâm. Đối với bị cáo Bùi Thị H1 cũng đã hai lần thực hiện hành vi

sắp xếp cho các cặp nam nữ thực hiện việc mua bán dâm tại nhà nghỉ do mình quản lý để thu tiền từ việc mua bán dâm nói trên. Do nhận được sự chỉ đạo sắp xếp của Bùi Thị H1 mà bị cáo Đinh Mạnh H2 cũng đã có một lần thực hiện hành vi sắp xếp cho các cặp nam nữ bán dâm tại nhà nghỉ nơi bị cáo quản lý để thu tiền từ việc bán dâm trên. Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng xâm phạm đến tình hình an ninh, trật tự và an toàn xã hội vì mại dâm là một tệ nạn xã hội mà Đảng, nhà nước và toàn thể nhân dân đang quan tâm giải quyết để loại trừ ra khỏi đời sống, xã hội bởi nó có tác hại nghiêm trọng đến đời sống, sức khỏe, hạnh phúc của mọi người, mọi nhà. Mại dâm làm suy thoái về giống nòi, suy đồi về đạo đức, lối sống, gây nên dư luận bất bình trong quần chúng, nhân dân, ảnh hưởng đến tình hình trật tự, an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, ảnh hưởng đến lối sống và thuần phong, mỹ tục, là một trong những nguyên nhân làm lây lan các căn bệnh truyền nhiễm như lậu, giang mai và căn bệnh thế kỷ HIV... tại phiên tòa các bị cáo quanh co chối tội không thừa nhận hành vi của mình đổ lỗi cho người khác thấy rằng các bị cáo không thành khẩn ăn năn hối cải. Vì vậy HĐXX cần phải xử lý nghiêm để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[4]. Xét về nhân thân và trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội lần đầu, bản thân không có tiền án, tiền sự. Tại cơ quan điều tra đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Tuy nhiên trong vụ án này có 04 bị cáo phạm tội về hai tội “Môi giới mại dâm và Chứa Mại Dâm. Do đó HĐXX cần xem xét hành vi của các bị cáo để phân hóa vai trò trách nhiệm hình sự mà các bị cáo phải chịu:

Xét về hành vi “Môi giới mại dâm” của Bùi Thị D, Đặng Thị H3 thấy rằng: Bị cáo Bùi Thị D do muốn kiếm tiền môi giới của việc mua bán dâm nên đã hai lần thực hiện việc môi giới cho các đôi nam nữ đến nhà nghỉ HD của Bùi Thị H1 và Đinh Mạnh H2 quản lý để thực hiện việc mua bán dâm sau đó lấy tiền công môi giới, mục đích và động cơ phạm tội của bị cáo là vụ lợi, các bị cáo phạm tội có hai tình tiết định khung là môi giới mại dâm hai lần đối với hai người trở lên vì vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi và hậu quả của mình gây ra. Đối với bị cáo H3 không chứng minh được mục đích vụ lợi nhưng tại có quan điều tra bị cáo khi nài muốn tạo điều kiện kiếm tiền thêm cho các nữ nhân viên các nữ nhân viên xin đi bán dâm kiếm thêm tiền nên bị cáo đã hai lần gọi ba nữ nhân viên đi bán dâm cho khách nên bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình. Bị cáo D và bị cáo H3 tại phiên tòa quanh co chối tội nhưng không đưa ra chứng cứ nào để chứng minh cho sự vô tội của mình, HĐXX xét thấy hai bị cáo không thành khẩn nên không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51BLHS, hai bị cáo đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại Khoản 2 Điều 51BLHS do bị cáo D ra cơ quan điều tra đầu thú về hành vi phạm tội của mình, bị cáo D và H3 có thân nhân là người có công với nhà nước. Bị cáo D và bị cáo H3 có hai tình tiết định khung tăng nặng nên HĐXX xếp vai trò như nhau nên mức án ngang nhau, hành vi của bị cáo là nghiêm trọng nên cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có đủ điều kiện cải tạo giáo dục hai bị cáo thành công dân tốt và cũng là biện pháp phòng ngừa chung cảnh tình cho những người khác có ý định phạm tội.

Xét về hành vi chứa mại dâm của bị cáo Bùi Thị H1 và Đinh Mạnh H2.

Đối với bị cáo Bùi Thị H1 thực hiện hành vi phạm tội 02 lần trở lên do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 của

BLHS. Đối với bị cáo Đinh Mạnh H2 do được sự chỉ đạo của bị cáo Bùi Thị H1 nên cũng thực hiện hành vi giúp sức sắp xếp cho các cặp nam nữ thực hiện việc mua bán dâm tại nhà nghỉ một lần do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của mình gây ra nên hình phạt của bị cáo H2 thấp hơn bị cáo H1 là phù hợp. Quá trình điều tra hai bị cáo đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Tại phiên tòa hai bị cáo quanh co chối tội, nhưng ý thức chủ quan của hai bị cáo là chứa mại dâm, HĐXX xét thấy hai bị cáo không thành khẩn ăn năn về hành vi của mình nên không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 BLHS, hai bị cáo đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại Khoản 2 Điều 51 BLHS do bị cáo H2 ra cơ quan điều tra đầu thú về hành vi phạm tội của mình và thân nhân là người có công với nhà nước, bị cáo H1 có thân nhân là người có công và lập công trong gia đoạn điều tra nên áp dụng điểm u khoản 1, Khoản 2 Điều 51 BLHS cho bị cáo.

[5] Về hình phạt tiền bổ sung: Xét thấy bị cáo H1 có tài sản, thu nhập, động cơ vụ lợi nên áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp. Đối với bị cáo D có động cơ vụ lợi nhưng xét hoàn cảnh điều kiện gia đình HĐXX không áp dụng phạt tiền đối với bị cáo là hình phạt bổ sung.

[6] Đối với số tiền thu lời bất chính. Tại phiên tòa bị cáo D không thừa nhận việc nhận số tiền môi giới mại dâm nhưng căn cứ lời khai của bị cáo H1 và gái bán dâm tại cơ quan điều tra thấy rằng lời khai của bị cáo H1 và gái bán dâm là khách quen vì vậy cần phải truy thu số tiền môi giới bán dâm và chứa mại dâm của bị cáo H1 và D là phù hợp.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.
Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Bùi Thị H1, Đinh Mạnh H2 phạm tội “Chứa mại dâm”. Bị cáo Bùi Thị D và Đặng Thị H3, phạm tội “Môi giới mại dâm”.

Áp dụng: điểm c khoản 2 Khoản 5 Điều 327; điểm u khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS đối với Bùi Thị H1:

Xử phạt: Bùi Thị H1 07(bảy) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt kể từ ngày 09/03/2021. Bị cáo được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/12/2019 đến ngày 17/01/2020.

Áp dụng: khoản 1 Điều 327; khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS đối với Đinh Mạnh H2:

Xử phạt: Đinh Mạnh H2 18(mười tám) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt kể từ ngày bắt đi thi hành án. Bị cáo được trừ 01 ngày tạm giữ từ trước, từ ngày 26/12/2019 đến ngày 27/12/2019.

Áp dụng: điểm d, đ khoản 2 Điều 328; khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS đối với Bùi Thị D và Đặng Thị H3.

Xử phạt: Bùi Thị D 06 (sáu) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt kể từ ngày 09/03/2021. Bị cáo được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/12/2019 đến ngày 03/01/2020.

Xử phạt: Đặng Thị H3 06(sáu) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt kể từ ngày 09/03/2021. Bị cáo được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/12/2019 đến ngày 17/01/2020.

Phạt tiền bổ sung bị cáo Bùi Thị H1 20.000.000đ để sung quỹ nhà nước.

Áp dụng: Điều 47 BLHS; khoản 2 Điều 106 BLTTHS; Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

-Tịch thu tiêu hủy: 02 ruột bao cao su đã qua sử dụng, 02 vỏ bao cao su nhãn hiệu Ok màu đỏ, đã bị xé rách.

-Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu PHILIPS, vỏ màu đen loại phím bấm, máy đã qua sử dụng. 01 điện thoại di động nhãn hiệu ViVo 1801 vỏ màu đồng máy đã qua sử dụng. 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105, loại phím bấm, vỏ màu xanh máy đã qua sử dụng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 25/6/2020 giữa Cơ quan điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

-Truy thu bị cáo H1 200.000đ để sung quỹ nhà nước.

-Truy thu bị cáo D 400.000đ để sung quỹ nhà nước.

-Các bị cáo Bùi Thị H1, Đinh Mạnh H2, Bùi Thị D và Đặng Thị H3 mỗi người phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- CQĐT CA huyện T;
- CQTHAHS CA huyện T;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Văn Quân